

DÂN DOANH HÓA XI NGHIỆP QUỐC DOANH KINH NGHIỆM NHẬT BẢN VỚI VIỆT NAM

SUEO SEKIGUCHI

Đại học Seikel

I. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ TÀN LỤY CỦA CÁC XI NGHIỆP CÔNG QUAN THỜI HẬU CHIẾN

Dưới đây tôi xin trình bày việc tư nhân hóa XN các Công ty đường sắt (Kokutetsu) và Công ty điện tín điện thoại (Denden Kosha).

1. Cổ phần hóa Công ty (JR) đường sắt nhà nước (gọi tắt dưới đây là Quốc thiết - Kokutetsu)

Ngay sau khi chấm dứt chiến tranh, ngành đường sắt đã thu dụng làm công nhân số người phục viên có lúc đến 630.000 người. Ngành này đến 1951, đã tinh giản còn 450.000 người để hợp lý hóa. Sau đó từ năm 1964 trở đi, mỗi năm phải ghi nhận số lỗ là lớn lao, đến sát trước năm 1985 là năm được dân doanh hóa, dự trù giảm thiểu nhân viên xuống 310.000 người. Sự nguy cơ kinh doanh của đường sắt là việc thay thế vận chuyển bằng xe hơi và hiệu suất kinh doanh kém của cơ chế, được phản ánh bằng sự chịu đựng của chính sách khu vực và chính sách xã hội.

Ngoài ra mặt bất lợi của công ty đường sắt về cơ chế là công ty đường sắt tư nhân đa dạng hóa các dịch vụ kinh doanh như khai thác đất đai và kinh doanh tận gốc (Terminal) các cửa hàng bách hóa nên có thể hỗ trợ cho kinh doanh đường sắt, còn công ty đường sắt nhà nước thì có qui chế không được phép làm những điều này. Rồi mỗi năm một lỗ là thêm, chính phủ do dùng kế toán thông thường phải chịu bù lỗ.

Sau khi thảo luận gay go phức tạp, cuối năm 1986, Kokutetsu chia ra làm 6 cơ sở kinh doanh khu vực và một cơ sở vận tải hàng hoá, tư doanh hóa, trở thành các công ty cổ phần (JR).

Ngoài ra, từ tháng 4 năm 1987 thành lập nhóm pháp nhân đặc biệt "Nhóm thanh toán công ty quốc doanh đường sắt Nhật Bản" (dưới đây gọi tắt là Nhóm thanh toán công ty) để quản lý và thanh toán tài sản cũ và mọi trách vụ cũ của Kokutetsu. Một mặt lo tính toán kinh doanh để tăng lợi nhuận, đồng thời mặt khác tạo thế chế

để có thể thúc đẩy đa dạng hóa kinh doanh. Do đó chuyển việc thành lập và thu dụng những nhân viên thừa kế vào các công ty không phải thuộc ngành đường sắt mà là thuộc các ngành liên hệ. Nhóm thanh toán công ty, để chi trả các nợ dài hạn tích lũy trong quá khứ, đã bán các tài sản đất đai và sắp xếp trở thành một XN tư hoàn thiện cả về danh nghĩa lẫn thực tế. Mặt khác, phải phát hành cổ phần với tư cách một công ty cổ phần, hình thành vốn cổ phần, nhưng do sự trì trệ của thị trường cổ phần Tokyo vừa rồi, việc này tới ngày nay vẫn còn bị đình hoãn. Rồi gần đây theo tin tức báo chí, công ty JR Higach Nihon đã được vực dậy, nên sắp tới đã có dự định phát hành các cổ phần.

Nợ tích lũy dài hạn trong quá khứ, vào cuối năm kinh doanh 1990 còn khoảng 26.000 tỷ yên, nhưng số này do nhóm thanh toán công ty bán tài sản đất đai để trả. Có thể nói về mặt các công ty JR mới kinh doanh lời lỗ ra sao thì dường như ở các khu vực dân cư đông đảo, thành tích kinh doanh thuận lợi. Ở các khu vực mật độ cư dân thấp, thế nào thành tích kinh doanh cũng xấu đi, vì vậy phải đòi hỏi vốn ổn định kinh doanh, vận dụng vốn này để tạo nên kinh doanh có lãi. Việc thử phát hành các cổ phần chỉ ở công ty JR Higachi Nihon, trong tình trạng thị trường cổ phần bất lợi hiện nay có lẽ là một phương pháp triển vọng nhất mà một công ty cổ phần có thể làm được chẳng.

Việc chuyển từ Kokutetsu (Công ty đường sắt Nhà nước) sang công ty cổ phần JR còn ở thời kỳ quá độ, nhưng đã 5 năm trôi qua rồi. Thêm nữa nếu gồm cả việc bán tài sản đất đai, trả hết nợ dài hạn của quá khứ, chuyển từ chế độ hiện hành gọi là thuê mượn đường Shinkansen sang mua đứt (Luật này được lập vào tháng 4.1991) thì có lẽ cũng phải mất nhiều năm.

2. Chuyển từ công ty quốc doanh Denden Kosha sang NTT và từ công ty quốc doanh Kokusai Denden sang KDD

Trong khi Kokutetsu bị vận tải xe

hơi chèn ép, suy sụp dần, phải đưa v đầu tư nhà nước vào để tăng cường k năng vận tải ở các vùng đông dân và vận tải công cộng ở các vùng dân quá thưa thớt, thì điện tín, điện thoại độc quyền chiếm vị trí mạnh mẽ tro tình trạng nhu cầu dịch vụ thông t ngày càng lớn. Vì không có sự cạ tranh nên các công ty quốc doanh n độc quyền. Giá biểu (cước phí) theo b cáo của ban thẩm định của chính p được thiết định như các cước phí cộ công khác, nhưng thường được thi định để có thể bảo đảm được lợi nhu đầy đủ. Mặt khác lợi nhuận đầy đủ t khả năng đầu tư khai thác nghiên c với số lượng lớn. Rồi thì xí nghiệp nh máy móc và công ty quốc doan Denden Kosha, được gọi là gia đìn (family) Denden, hình thành một t đoàn (group) xí nghiệp lớn. Thông t thuộc lĩnh vực bảo đảm ổn định c quốc gia cũng là lý do kinh doanh đ quyền của xí nghiệp quốc doanh. Cộ ty Denden Kosha cũng đang thu n nhiều công nhân trên toàn quốc, công nhân này ngày càng lớn lên the. Theo Takahashi Nadafuni, Takeku Takehiko (1983) thì năm 1965 bao gồ 240.000 người, nhưng đến đầu th niên 1980 đã tăng lên đến 330.0 người, nhưng vì là một cơ sở ki doanh độc quyền lấy giá cao, việc c cấp lương bổng vi phạm pháp luật, xảy ra nhiều scandale (7).

Đối với việc vận dụng đầu tư c Denden Kosha, Mỹ đã yêu cầu chuy sang chế độ đấu thầu để ai cũng có t tham gia. Công ty Denden Kosha và g đình Denden đương nhiên phản đ chuyện này, nhưng để bảo đảm sự đ định thông tin bằng một phương c khác, việc bài trừ độc quyền ki doanh cũng là một lý do yêu cầu khỏ còn gia đình Denden nữa. Như vậy n công ty Denden Kosha, Kokus Denden được cổ phần hoá thành nghiệp tư nhân.

Tháng 7.1982, Ban điều tra hân chính lâm thời thứ 2 đã báo cáo v chính phủ việc chia Denden Kosha thành một cơ sở trung ương và nhữ công ty khu vực, và cổ phần hoá cộ ty, nhưng đề án phân chia bị rút l kết cục do việc dân doanh hoá 1985, thành một công ty cổ phần NTT, t ra theo luật định sau 7 năm sẽ đư xem xét lại. Sau đó, vào một cơ hội n đó cổ phần của NTT sẽ được phát hân lần thứ 1 được phân phối quyền m 1.800.000 yên một cổ phần, rất cu sau một thời gian đã tăng lên đ 3.180.000 yên. Đã có những bàn tán v việc chính phủ bán các cổ phần nghiệp quốc doanh để dân doanh h với giá cả ở mức độ nào cho thoả đán Bộ Tài chính lúc ấy đã trở thành m nhà buôn sành sỏi thương mại. Sự c

ả của các cổ phần NTT có nghĩa là giá trị cao NTT trên thị trường tương lai, nhưng sau đó tình hình lại thay đổi. Sự trì trệ của thị trường cổ phần Tokyo thông thường cũng phản ánh tình trạng ấy, nhưng chỉ xảy ra việc xâm nhập mới vào thông tin đường dài một chút thời gian địa vị độc quyền của NTT đã suy yếu, mức phí điện thoại mau chóng giảm xuống, do đó tỷ lệ của NTT giảm thấp.

Các nhà đầu tư tư nhân mua cổ phần lúc phát hành đầu tiên, giá cổ phần cao, sau đó người bán kiếm tiền dễ dàng, nhưng dịp tốt khó lặp lại 2 lần (hết bất trùng lai). Vì vậy từ lần thứ trở đi khi mua các cổ phần bán ra của chính phủ, mệnh giá cổ phần dần dần giảm xuống và lại bị lỗ lỗ. Theo tờ báo của nhà đầu tư chứng khoán ưa dùng *Kaisha shiri-ho* (Kinh tế phương Đông 1992, số mùa hè), tiền lãi của một cổ phần NTT vào kỳ tháng 3.1989 là 1.782 yên, nhưng mỗi kỳ sau lại thấp hơn. Có thể dự đoán kỳ tháng 3.1993 chỉ còn 12.179 yên. Vào tháng 11.1991, chỉ số vốn là 780 tỷ yên (15,6 triệu cổ phần), nếu nhìn tổng tài sản và số công nhân thì là một xí nghiệp tư nhân số một của Nhật Bản. Mệnh giá cổ phần vào tháng 7.1992 là 600.000 yên là khá thấp. Tỷ lệ lãi của NTT có thể đánh giá là không có gì hấp dẫn đặc biệt.

Cuối năm doanh nghiệp 1991, cổ phần chủ yếu đã ghi rõ trên báo *Kaisha shiri-ho* là chính phủ (Bộ trưởng tài chính) 65,8%, cổ phần của nhân viên công ty 0,7%, các cơ quan tài chính 4%; ngoài ra phân tán cho các cổ đông nhỏ. Đương nhiên là hơn các cơ quan như Hàng không Nhật Bản đang tiến hành tư hữu cổ phần, nhưng sự tư hữu hoá rất chậm chạp. Trong tương lai có thể đoán được rằng để đổi được 5% cổ phần do chính phủ sở hữu sang tư nhân sở hữu còn phải mất nhiều năm nữa.

KINH NGHIỆM NHẬT BẢN VÀ VIỆC CẢI CÁCH XÍ NGHIỆP CỦA VIỆT NAM

Việc chuyển đổi các công ty quốc doanh thành dân doanh như thế nào? Từ ngay sau đệ nhị thế chiến, các thiết bị vốn liếng bị phá hoại do chiến tranh và số lớn quân nhân phục viên, những người sinh sống ở nước ngoài trở về, việc mở rộng thu dụng họ là việc làm cấp bách.

Việc chính phủ nắm giữ, quản lý các kinh doanh ở mỗi tình trạng đó là cần thiết, nhưng do tình hình biến đổi, cách thức ủy thác cho tư nhân mọi hoạt động XN là rất thích hợp. Xí nghiệp do trách nhiệm của mình, chấp nhận các nguy cơ, khuếch trương lợi nhuận, mưu tìm sự mở rộng tái sản xuất. Vì lý do đó, nhà doanh nghiệp và các công nhân của XN phải cùng nhau

gắn bó chặt chẽ.

Nói rằng "Ủy thác tất cả mọi sự nghiệp kinh doanh cho các xí nghiệp tư nhân" là sai lầm, nhưng nếu nói muốn đưa đại bộ phận sản xuất cho sở hữu nhà nước hoặc sở hữu tập thể "vì tính xã hội của sản xuất" cũng là sai lầm.

Do đó, nếu căn cứ vào hiện trạng của Việt Nam, không phải chỉ lãnh vực sản xuất mà các ngành tài chính, lưu thông, tôi nghĩ rằng nên cổ phần hoá thành công ty trên qui mô mạnh mẽ. Lúc ấy, điều quan trọng cơ bản là nhà kinh doanh xí nghiệp có trách nhiệm của mình, có quyền hạn, chấp nhận nguy cơ và tìm mọi cách đổi mới, có thể nắm vững được tiền thù lao của mình. Tất nhiên trong đó cũng có "thất bại thị trường" vì vậy cũng có trường hợp thích nghi với việc phân công cho các XNQD. Ngay cả trong trường hợp ấy, như tôi đã nói ở trên, với tư cách là XN công ích, phải giao cho XN tự chủ kinh doanh, sử dụng vốn, quyền về nhân sự.

Mặt khác, chế độ sở hữu tập thể với các XN tư của Nhật Bản có chỗ nào khác nhau chăng? Tôi không biết một điển hình cụ thể nào của chế độ sở hữu tập thể Việt Nam, nhưng nếu có quy chế chính phủ địa phương, có các XN do các tổ chức khu vực thành lập thì việc kinh doanh tự chủ ở thị trường hàng hoá, sử dụng vốn tự chủ, quyền nhân sự cũng bị hạn chế, có lẽ quyền tự chủ XN chỉ rất hạn hẹp. Vậy thì dù là chế độ sở hữu tập thể, sự cách tân XN và ý chí khuếch trương không thể phát huy được. Đối với vấn đề này, các XN phương Tây thì các cổ đông xuất vốn, tham gia vốn, nhưng một phần khá khá các vốn ấy có tính cách lưu động. Các cổ đông căn cứ vào phân phối mà XN hiện tại có thể trả được và có khả năng phát triển trong tương lai không, mà quyết định sẽ là cổ đông hoặc thôi không tham gia nữa.

Mặt khác, nhân viên công ty cũng có người có tính lưu động, cũng có người có tính cố định. Ngoài ra, người lao động tổ chức các nghiệp đoàn lao động để bảo vệ quyền lợi người lao động và đàm phán với các nhà kinh doanh, tùy theo mỗi nước mà khác nhau, nhưng có trường hợp thăng tiến trong nội bộ mà trở thành nhà kinh doanh, cũng có trường hợp là nhà kinh doanh có tính nghề nghiệp. Trường hợp Nhật Bản thì loại trường hợp trước chiếm số áp đảo. Về vấn đề phân biệt "sở hữu với kinh doanh", cũng có những nhà kinh tế học của các nước XHCN giải thích có tính cách giáo khoa, nhưng chắc chắn dù không phân biệt sở hữu với kinh doanh cũng không thành vấn đề đối với họ. Trong các XN, cũng có những nhà kinh doanh kiêm chủ sở hữu đại bộ phận cổ phần, loại người

này coi trọng lợi nhuận của cổ đông, thực hiện phân phối cao. Chủ sở hữu kiêm nhà kinh doanh không bao giờ là một trở ngại.

Rõ ràng là ở Việt Nam việc chuyển tất cả các XN ở đại bộ phận các mặt sản xuất sang công ty cổ phần một lượt rất khó khăn. Vì vậy, ở mỗi ngành sản xuất nên chuyển độ một công ty từ công ty quốc doanh sang công ty công quản, cho quyền tự chủ kinh doanh, đồng thời trong cùng ngành sản xuất ấy lập nhiều công ty cổ phần. Việc này là nâng cấp các nhà máy cũ thành các xí nghiệp, cổ phần hoá các vốn liếng của nó. Những XN này có mức độ tự do cao hơn các XN công quản. Rồi để cho cạnh tranh với nhiều XN khác. Về lâu dài, các XN công quản có mức độ tự do hạn hẹp, mất sức hấp dẫn, có thể bị các công ty cổ phần chi phối. Vì những lẽ đó, chính phủ Việt Nam cần phải chế định trước hết là dân luật, luật thương mại (qui định cơ sở luật pháp tổ chức các loại công ty và các hành vi thương mại), xác định quyền lợi và trách nhiệm của hành vi kinh tế của các tư nhân có tư cách pháp nhân. Sự can thiệp quá mức của chính phủ dễ sinh ra bất công. Không thể làm lệch lạc sự phân phối nguồn vốn vì quan hệ riêng tư hoặc vì tình cảm, đối xử bình đẳng về mặt pháp luật với bất cứ ai, nếu không tạo cơ sở cho chế độ kinh tế thì nền kinh tế không thể phát triển được. Ngoài ra, còn phải có pháp lệnh hoá tiêu chuẩn kế toán thuế vụ, chế độ kế toán xí nghiệp. Thông lệ ở các nước XHCN khác các tiêu chuẩn này không được minh xác, cũng không xác lập các qui luật nộp thuế, vì vậy đã gặp những kinh nghiệm đau xót sinh ra lỗ lã thất bại trong khi cải cách thể chế và tự do hoá. Cần phải xử tội trốn thuế như một sự phạm tội kinh tế nặng nhất.

Xin nhắc lại, cần phải cổ phần hoá công ty ở một phạm vi lớn bao gồm các ngành sản xuất, ngành tiền tệ, ngành dịch vụ, ngành mậu dịch nước ngoài. Nhưng hiện nay, có lẽ thích hợp là xí nghiệp công ích hoá các ngành công ích như vận tải công cộng (đường sắt, hàng không, giao thông đô thị), lập các cơ quan đầu tư để khai thác khu vực, các ngành độc quyền tự nhiên điện lực, gaz, nước máy... Ngoài ra tôi nghĩ sự khai thác nghiên cứu còn phải giữ lại là những cơ quan nhà nước, phải tiếp tục đầu tư nhà nước vào đó. Sự phát triển của khoa học chẳng phải là điều có thể hy vọng trông cậy vào thị trường.

(Trích tham luận trong hội thảo "Kinh nghiệm của Nhật Bản về quản lý các doanh nghiệp" do Trung tâm Kinh tế châu Á - TBD tổ chức tại trường ĐHKTP.HCM ngày 6-7.4.93)